

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 05/5/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Cư

- Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quà, ông Ngô Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 07/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 22/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2023/HSST-QĐ ngày 14/4/2023 đối với bị cáo:

Đặng Ngọc Q – sinh ngày 26 tháng 9 năm 1986 tại tỉnh Bình Định

Nơi cư trú: Thôn Tân A, xã An T, huyện An L, tỉnh BĐ

Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: lớp 12/12; Con ông: Đặng Ngọc Tr; Con bà: Đào Thị B; Vợ: Trần Thúy V (đã ly hôn); con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 521//2022/HS-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo 21 năm tù (Hai mươi một năm tù) về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Ngày 04/5/2021 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh BĐ bắt tạm giam. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại

Tram giam Gia Trung theo Bản án hình sự phúc thẩm số 521/2022/HS-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Đoàn Minh D – sinh năm 1956

Nơi cư trú: Tổ dân ph, phường Nguyễn Ngh, thị xã Đức Ph tỉnh QNg; Vắng mặt

Người làm chứng:

- Ông Đoàn Minh Đ –sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ dân phố , phường Nguyễn Ngh, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg; Vắng mặt

- Ông Trịnh Hoàng K – sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn Mỹ Tr, xã Phổ C, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg; Vắng mặt

- Ông Trần Minh T – sinh năm 1995

Nơi cư trú: Tổ dân phố Vĩnh B, phường Phổ N, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg; Vắng mặt

- Ông Thái Ngọc Ph – sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Thuận A, xã An T, huyện An L, tỉnh BĐ; Vắng mặt

- Ông Phạm M – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba T

Nơi cư trú: Km 27, quốc lộ 24, xã Ba C, huyện Ba T, tỉnh QNg; Vắng mặt

- Ông Nguyễn Xuân B – Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba T

Nơi cư trú: Km 27, quốc lộ 24, xã Ba C, huyện B T, tỉnh QNg; Vắng mặt

- Ông Lê Văn N – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp BT

Nơi cư trú: Km 27, quốc lộ 24, xã Ba C, huyện BT, tỉnh QNg; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/4/2021, Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT (địa chỉ trụ sở tại huyện BT, tỉnh QNg) tổ chức bán đấu giá gỗ rừng trồng gói số 11, đối với 27,52 hecta rừng trồng cây gỗ keo, địa điểm tại Tiểu khu 343 xã Ba Vinh và 344 xã Ba Thành, huyện BT. Đặng Ngọc Q là người mua trúng đấu giá với số tiền 2.221.898.000 đồng (hai tỷ hai trăm hai mươi một triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng), việc bán đấu giá đã được lập thành biên bản hợp pháp nên Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT và Đặng Ngọc Q đã ký hợp đồng kinh tế số

10/HĐKT21 ngày 01/4/2021 về việc mua bán cây gỗ keo rừng trồng, tại Điều 8 hợp đồng quy định “*Nếu sau 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng bên B (tức Đặng Ngọc Q) không thực hiện theo những điều khoản đã ký kết trong hợp đồng thì hợp đồng này xem như không có giá trị*”. Như vậy từ ngày ký hợp đồng đến ngày 08/4/2021 thì Đặng Ngọc Q phải nộp đủ số tiền mua đầu giá và tiền cược 5% theo như hợp đồng (Q chỉ mới đóng tiền cược đầu giá 210.000.000 đồng ngày 30/3/2021). Đến ngày 09/4/2021, đã quá thời hạn nộp tiền theo hợp đồng, nhưng Đặng Ngọc Q không thực hiện nghĩa vụ như hợp đồng quy định, nên Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT đã ban hành Thông báo số 28 TB/CT-KTTC hủy bỏ hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT21 đã ký với Đặng Ngọc Q.

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT tiếp tục ra thông báo số 29TB/CT-KTTC, ngày 09/4/2021 để bán đầu giá lần 2 đối với gói rừng trồng số 11 nêu trên. Ngày 16/4/2021, Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT tổ chức đấu giá, Công ty TNHH Gỗ HD (địa chỉ trụ sở tại thị trấn Chợ Ch, huyện Nghĩa H, tỉnh QNg) đã trúng đầu giá và ngày 19/4/2021 Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT đã bàn giao rừng cho Công ty TNHH Gỗ HD để khai thác.

Dù biết mình không có khả năng tài chính để thực hiện hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT và hợp đồng đã không còn giá trị do không nộp tiền đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng nhưng Đặng Ngọc Q vẫn đưa ra thông tin mình đã ký hợp đồng mua gỗ rừng trồng của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT để nhận vốn góp từ ông Đoàn Minh D. Ngày 22/4/2021, tại TDP 3, phường Nguyễn Ngh, thị xã Đức Ph, Đặng Ngọc Q đã sử dụng Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT21 (đã không còn giá trị thực hiện) đưa cho ông Đoàn Minh D xem và cam kết sẽ đóng tiền ông D góp cho Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT để khai thác cây gỗ, ông Đoàn Minh D vì tưởng rằng hợp đồng có hiệu lực và tin lời của Q mà đã đưa cho Q số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) để góp vốn khai thác cây. Đặng Ngọc Q đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên và sử dụng tiêu xài cá nhân. Trước đó Đặng Ngọc Q thực hiện một số hành vi phạm tội tại tỉnh Bình Định nên ngày 04/5/2021, khi Đặng Ngọc Q đang ở tỉnh BĐ thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định bắt tạm giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Ngày 24/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh BĐ ra Quyết định khởi tố bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Đặng Ngọc Q về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số 37/CT - VKS ngày 30/9/2022 và Công văn số 436/CV-VKS ngày 06/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Ph truy tố bị cáo Đặng Ngọc Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức P giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị áp dụng điểm a

khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Đặng Ngọc Q từ 7 đến 8 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Quá trình xác minh, điều tra Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Ph đã thu giữ các tài liệu như:

- Hợp đồng góp vốn viết tay, đề ngày 22/4/2021 có chữ ký của ông Đoàn Minh D và Đặng Ngọc Q.

- Thông báo bán đấu giá gỗ rừng trồng gói số 11, số 23TB/CT-KTTC, ngày 22/03/2021 của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT.

- Quyết định về việc bán đấu giá gỗ rừng trồng sản xuất, số 47QĐ/CT-KTTC ngày 01/4/2021 của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT.

- Hợp đồng kinh tế về việc mua bán cây đứng gỗ keo rừng trồng, số 10/HĐKT, ngày 01/4/2021 giữa Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT và ông Đặng Ngọc Q.

- Thông báo về việc hủy bỏ hợp đồng kinh tế mua bán gỗ rừng trồng, số 28TB/CT-KTTC, ngày 09/4/2021 của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT.

Các tài liệu, chứng cứ này chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần phải lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với nội dung trong Hợp đồng góp vốn lập ngày 22/4/2021 giữa Đặng Ngọc Q và Đoàn Minh D có ghi số tiền ông D đưa cho Q là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua điều tra và tại phiên tòa xác định thực tế số tiền ông Duy đưa cho Q là 400.000.000 đồng, nhưng do trước đó Q nợ Đoàn Minh D (là con trai của Đoàn Minh D) số tiền 100.000.000 đồng; nên Q đã cộng số tiền 100.000.000 đồng này với 400 triệu đồng ông D đưa và viết thành 500.000.000 đồng. D và Q đều khai không phải hùn vốn khai thác rừng mà là tiền mượn. Do vậy, đối với số tiền 100.000.000 đồng này được Cơ quan điều tra xác định là giao dịch dân sự giữa Đặng Ngọc Q và Đoàn Minh D là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Đặng Ngọc Q đã tự nguyện bồi thường số tiền 210.000.000 đồng cho bị hại Đoàn Minh D; số tiền bị thiệt hại còn lại là 190.000.000 đồng bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị không xét.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Đoàn Minh D, ông Đoàn Minh Đ, ông Thái Ngọc Ph, ông Trần Minh T, ông Trịnh Hoàng K, ông Lê Văn N, ông Nguyễn Văn B và ông Phạm M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông D, ông Đ, ông Ph, ông T, ông K vắng mặt không có lý do; ông N, ông B, ông M có đơn xin xét xử vắng mặt; tuy nhiên trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của bị hại và những người làm chứng. Do vậy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại và những người làm chứng nêu trên.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đức Ph, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Ph, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Đặng Ngọc Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Ph đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định:

Dù biết mình không có khả năng tài chính để thực hiện hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT và hợp đồng đã không còn giá trị do không nộp tiền đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng nhưng Đặng Ngọc Q vẫn đưa ra thông tin mình đã ký hợp đồng mua gỗ rừng trồng của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT để nhận vốn góp từ ông Đoàn Minh D. Ngày 22/4/2021 Đặng Ngọc Q đã sử dụng Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT21 (đã không còn giá trị thực hiện) đưa cho ông Đoàn Minh D xem và cam kết sẽ đóng tiền ông D góp cho Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BT để khai thác cây gỗ, ông Đoàn Minh D vì tưởng rằng hợp đồng có hiệu lực và tin lời của Q mà đã đưa cho Q số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) để góp vốn khai thác cây. Đặng Ngọc Q đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên và sử dụng tiêu xài cá nhân.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Ph truy tố bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi: bị cáo Đặng Ngọc Q là người có đầy đủ năng

lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã coi thường pháp luật nên lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tiêu xài. Tài sản bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của ông Đoàn Minh D là: 400.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Ngọc Q đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 210.000.000 đồng; còn lại số tiền bị thiệt hại là 190.000.000 bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường; xem đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bản án số: 521//2022/HS-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo 21 năm tù (Hai mươi một năm tù) về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

Với tính chất, mức độ hành vi và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, hậu quả của bị cáo gây ra và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Trước khi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đoàn Minh D, bị cáo đã có hành vi phạm tội bị Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN xét xử phúc thẩm tại bản án số 521//2022/HS-PT ngày 14/12/2022 xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 06 (Sáu) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; tổng cộng là 21 (Hai mươi một) năm tù.

Đối với nội dung trong Hợp đồng góp vốn lập ngày 22/4/2021 giữa Đặng Ngọc Q và Đoàn Minh D có ghi số tiền ông D đưa cho Q là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua điều tra và tại phiên tòa xác định thực tế số tiền ông D đưa cho Q là 400.000.000 đồng, nhưng do trước đó Q nợ Đoàn Minh D (là con trai của Đoàn Minh D) số tiền 100.000.000 đồng; nên Q đã cộng số tiền 100.000.000 đồng này với 400 triệu đồng ông D đưa và viết thành 500.000.000 đồng. D và Q đều khai không phải hùn vốn khai thác rừng mà là tiền mượn. Do vậy, đối với số tiền

100.000.000 đồng này được Cơ quan điều tra xác định là giao dịch dân sự giữa Đặng Ngọc Q và Đoàn Minh Đ là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng: không

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đặng Ngọc Q đã tự nguyện bồi thường số tiền 210.000.000 đồng cho bị hại Đoàn Minh Đ; số tiền bị thiệt hại còn lại là 190.000.000 đồng bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng của Đoàn Minh Đ cho Q mượn thì Đ và Q đều khai không phải hùn vốn khai thác rừng mà là tiền mượn; nên nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Ngọc Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc Q 07 (Bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự; tổng hợp hình phạt 21(Hai mươi một) năm tù theo bản án số 521/2022/HS-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 28 (Hai mươi tám) năm tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 04/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Đặng Ngọc Q đã tự nguyện bồi thường số tiền 210.000.000 đồng cho bị hại Đoàn Minh Đ; số tiền bị thiệt hại còn lại là 190.000.000 đồng bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Ngọc Q phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNg;
- VKSND tỉnh QNg;
- Sở tư pháp tỉnh QNg;
- VKSND thị xã Đức Ph;
- Cơ quan CSĐT công an thị xã Đức Ph;
- Cơ quan THAHS công an thị xã Đức Ph;
- Chi cục THADS thị xã Đức Ph;
- Trại giam Gia T
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Trung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Cư Lê Thị Hạnh

Phạm Minh Trung

